

BÁO CÁO

**Tổng kết 10 năm thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm trên địa
bàn phường Hương Trà**

Kính gửi: Sở Tư pháp thành phố Huế

Thực hiện Công văn số 363/KH-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của UBND thành phố Huế về việc tổng kết 10 năm thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm trên địa bàn thành phố Huế. Ủy ban nhân dân phường Kim Trà báo cáo tình hình 10 năm thi hành Luật Hôn nhân và gia đình trên địa bàn phường như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

- Thực hiện các kế hoạch của UBND tỉnh (nay là UBND thành phố), UBND thị xã (trước sáp nhập) và tình hình thực tế tại địa phương, UBND các xã, phường: Hương Toàn, Hương Chữ, Hương Xuân (trước sáp nhập) đã chủ động xây dựng kế hoạch triển khai Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tính từ thời điểm Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 được Quốc hội Khóa XIII thông qua tại kỳ họp thứ 7 ngày 19 tháng 6 năm 2014 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 cho đến nay, công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật luôn kịp thời, đồng bộ, thống nhất và có hiệu quả phù hợp với các quy định pháp luật. Công tác tuyên truyền, phổ biến tập trung hướng đến cán bộ, công chức và Nhân dân tại địa phương và luôn được các cấp có thẩm quyền quan tâm. Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức nói riêng và người dân nói chung đối với các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình.

- Qua 10 năm thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, UBND các xã, phường: Hương Toàn, Hương Chữ, Hương Xuân (trước sáp nhập) luôn chủ động cập nhật các văn bản liên quan, các nội dung sửa đổi, bổ sung, góp phần hoàn thiện kiến thức phục vụ có hiệu quả công tác tuyên truyền Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 sâu rộng đến người dân tại địa phương.

- Hằng năm, UBND các xã, phường (trước sáp nhập) đều ban hành Quyết định công nhận tuyên truyền viên pháp luật, Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật, Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật để triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, trong đó có lồng ghép việc triển khai Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật trên địa bàn.

II. KẾT QUẢ THI HÀNH LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH, ĐÁNH GIÁ ƯU ĐIỂM, BẤT CẬP, VƯỚNG MẮC CỦA LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

1. Kết quả thi hành Luật Hôn nhân và gia đình

- Tổng số cặp đăng ký kết hôn: 2733 cặp. Cụ thể như sau:

Năm	Số trường hợp đăng ký kết hôn	Số trường hợp hòa giải tranh chấp liên quan đến quan hệ hôn nhân và gia đình (nếu có)	Ghi chú
2015	359	0	
2016	281	0	
2017	306	0	
2018	264	0	
2019	255	0	
2020	249	0	
2021	198	0	
2022	214	0	
2023	252	0	
2024	234	0	
6 tháng đầu năm 2025 (đến 30/06/2025)	121	0	
Tổng	2733	0	

- Hòa giải tranh chấp liên quan đến quan hệ hôn nhân và gia đình: Không có;

- Tình trạng tảo hôn, cưỡng ép kết hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số: Không có.

2. Đánh giá ưu điểm, bất cập, vướng mắc của Luật Hôn nhân và gia đình

2.1. Ưu điểm, tác động, vai trò của Luật Hôn nhân và gia đình

- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã tạo bước tiến lớn trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về gia đình ở Việt Nam. Luật không chỉ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, gia đình, mà còn góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, thúc đẩy bình đẳng giới, bảo vệ trẻ em, phòng, chống bạo lực gia đình và phù hợp với tiến trình hội nhập quốc tế.

- Tuy nhiên, trong bối cảnh xã hội luôn biến đổi, nhiều quan hệ mới phát sinh, việc tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện hơn nữa Luật HNGĐ là hết sức cần thiết. Qua đó, Luật sẽ tiếp tục phát huy vai trò quan trọng trong việc xây dựng gia đình Việt Nam “no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh”.

a) Ưu điểm

- *Hoàn thiện cơ sở pháp lý về hôn nhân và gia đình*

+ Luật 2014 đã kế thừa và phát triển các đạo luật trước, bổ sung những quy định còn thiếu, bảo đảm tính thống nhất với Hiến pháp 2013 và các bộ luật liên quan (Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Nuôi con nuôi...).

+ Khung pháp lý điều chỉnh tương đối toàn diện các quan hệ: Kết hôn, ly hôn, nuôi con nuôi, quan hệ cha mẹ - con, chế độ tài sản vợ chồng, cấp dưỡng...

- *Đề cao nguyên tắc bình đẳng giới, bảo vệ quyền con người*

+ Lần đầu tiên, chế độ tài sản vợ chồng được quy định theo hai hình thức: Theo thỏa thuận và theo luật, mở rộng quyền tự do định đoạt, bảo đảm bình đẳng.

+ Vợ và chồng được công nhận quyền ngang nhau trong nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con; quyền bình đẳng trong quản lý, sử dụng, định đoạt tài sản.

+ Quyền của trẻ em, đặc biệt trong các vụ việc ly hôn, được đặt làm trọng tâm khi giải quyết tranh chấp.

- *Tăng cường cơ chế bảo vệ nhóm yếu thế*

+ Trẻ em sinh ra ngoài hôn nhân vẫn được pháp luật bảo vệ quyền lợi chính đáng. Phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em được ưu tiên bảo vệ trong các quan hệ hôn nhân, gia đình.

+ Luật nghiêm cấm bạo lực gia đình, cưỡng ép hôn nhân, tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống.

- *Bảo đảm tính khả thi bằng hệ thống văn bản hướng dẫn*

+ Các nghị định, thông tư liên quan đã cụ thể hóa nhiều quy định của Luật, tạo điều kiện cho cơ quan nhà nước áp dụng thống nhất.

+ Đặc biệt, các quy định về hộ tịch, tài sản vợ chồng, giải quyết ly hôn có yếu tố nước ngoài đã giúp tháo gỡ vướng mắc thực tiễn.

b) Tác động

- *Tác động đến đời sống xã hội*

+ Nâng cao ý thức pháp luật: Người dân ngày càng ý thức hơn về quyền, nghĩa vụ trong hôn nhân, giảm dần tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết, bất bình đẳng trong gia đình.

+ Bảo vệ trẻ em tốt hơn: Khi cha mẹ ly hôn, việc ưu tiên quyền lợi của con chưa thành niên đã giúp hạn chế tổn thương tâm lý, bảo đảm trẻ em được nuôi dưỡng, học tập ổn định.

+ Phòng, chống bạo lực gia đình: Luật và văn bản hướng dẫn đã góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa, xử lý hành vi bạo lực, cưỡng ép hôn nhân.

- *Tác động đến công tác quản lý nhà nước*

+ Hệ thống đăng ký hộ tịch, đăng ký kết hôn, khai sinh, nuôi con nuôi được cải tiến theo hướng minh bạch, công khai, thuận tiện hơn.

+ Các cơ quan Tư pháp, Tòa án, Viện kiểm sát có cơ sở pháp lý thống nhất khi giải quyết tranh chấp, bảo đảm công bằng.

+ Quản lý hôn nhân có yếu tố nước ngoài thuận lợi hơn, phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế.

- *Tác động đến hội nhập quốc tế*

+ Thể hiện sự tuân thủ của Việt Nam đối với các công ước quốc tế như CEDAW, CRC, Công ước La Hay về nuôi con nuôi.

+ Tạo cơ chế pháp lý rõ ràng để giải quyết các quan hệ hôn nhân - gia đình xuyên biên giới, bảo vệ quyền lợi công dân Việt Nam ở nước ngoài.

c) Vai trò

- *Vai trò pháp lý*

Là “luật khung” điều chỉnh toàn bộ lĩnh vực hôn nhân và gia đình, bảo đảm mọi quan hệ nhân thân, tài sản phát sinh trong gia đình đều có cơ sở pháp lý để giải quyết.

- *Vai trò xã hội*

Góp phần xây dựng gia đình Việt Nam theo chuẩn mực “no ảm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh”. Gắn kết cá nhân - gia đình - xã hội, duy trì trật tự, ổn định xã hội.

- *Vai trò trong phát triển và hội nhập*

+ Đáp ứng yêu cầu của quá trình đổi mới, hội nhập, nhất là trong giải quyết quan hệ có yếu tố nước ngoài.

+ Khẳng định hình ảnh Việt Nam là quốc gia tôn trọng quyền con người, thúc đẩy bình đẳng giới và bảo vệ trẻ em.

2.2. Đánh giá bất cập, vướng mắc trong quy định của Luật Hôn nhân và gia đình theo các tiêu chí

- *Vấn đề mâu thuẫn trong quy định về việc chồng không được yêu cầu ly hôn khi vợ có thai, nuôi con nhỏ*

Khoản 3, Điều 51 của Luật quy định: “Chồng không có quyền yêu cầu ly hôn trong trường hợp vợ đang có thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi”. Tuy nhiên, tình huống thực tế khi người vợ mang thai hoặc nuôi con nhỏ mà thai nhi hoặc đứa trẻ đó không phải là con của người chồng, hoặc người vợ ngoại tình, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ vợ chồng, làm hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn. Trong trường hợp này, việc hạn chế quyền ly hôn của người chồng có thể dẫn đến sự bất công và không giải quyết triệt để mâu thuẫn. Điều này gây khó khăn cho người chồng trong việc chấm dứt một cuộc hôn nhân không còn hạnh phúc và có yếu tố vi phạm của người vợ, đồng thời không bảo vệ được quyền lợi chính đáng của người chồng trong những hoàn cảnh đặc biệt.

- *Về vấn đề cấp dưỡng và mức cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn*

Điều 117 Luật Hôn nhân & Gia đình 2014 quy định: “*Các bên có thể thỏa thuận thay đổi phương thức cấp dưỡng, tạm ngừng cấp dưỡng trong trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng lâm vào tình trạng khó khăn về kinh tế mà không có khả năng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết*”. Quy định này bảo đảm tính khả thi của việc cấp dưỡng. Tuy việc tạm ngừng cấp dưỡng sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới đời sống của người được cấp dưỡng nên cần được tòa án xem xét thận trọng và nên quy định theo hướng cho phép tạm ngừng cấp dưỡng khi sự khó khăn về kinh tế là có lý do chính đáng và nên quy định rõ về mức cấp dưỡng tính trên phần trăm thu nhập của người phải cấp dưỡng hoặc lấy mức tiền lương tối thiểu tại từng thời điểm làm định khung để

quy định mức cấp dưỡng. Dù người phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng không phải là người có công việc, lương đi chăng nữa thì con cái họ cũng cần được có mức sống tối thiểu. Khi có sự thay đổi về mức lương thì căn cứ vào đó cơ quan thi hành án áp dụng vào từng thời điểm thi hành án thì mới có thể đảm bảo quyền lợi cho người được cấp dưỡng và tránh thiệt thòi cho người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

- Về vấn đề cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn

+ Ngoài quy định cấp dưỡng cho con, Luật Hôn nhân và gia đình còn có quy định về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn (Điều 115). Tuy nhiên, khác với việc cấp dưỡng nuôi con, cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn được quy định chặt chẽ là người được cấp dưỡng phải là người có khó khăn, túng thiếu và bản thân họ phải có yêu cầu và yêu cầu đó phải có lý do chính đáng... Thế nhưng trên thực tế, quy định này cũng không được thực hiện vì lý do đương sự không biết có quy định như vậy hoặc biết có yêu cầu nhưng bên kia chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con chứ không cấp dưỡng cho vợ hoặc chồng. Đây cũng là quy định khó thực hiện thì thiếu chế tài ràng buộc.

+ Từ những bất cập trên có thể thấy, các quy định về cấp dưỡng vẫn còn rất chung chung, thiếu cụ thể. Điều này khiến cho tòa án khi phán xét chỉ còn biết căn cứ và điều kiện thực tế cụ thể của từng trường hợp. Nhưng cũng chính vì lý do đó mà mức cấp dưỡng mỗi nơi mỗi khác nhau. Mặt khác, việc thiếu các chế tài cứng rắn hơn để ràng buộc những người có nghĩa vụ cấp dưỡng phải thực hiện nghĩa vụ của mình cũng như cơ quan, tổ chức nơi người đó công tác phải có nghĩa vụ hỗ trợ cơ quan tư pháp thực hiện cũng là một cản trở không nhỏ trong quá trình thực hiện

- Trường hợp người vợ hoặc người chồng làm thủ tục ly hôn với người chồng hoặc người vợ đang chấp hành án phạt tù

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chưa quy định căn cứ ly hôn trong trường hợp vợ hoặc chồng đang chấp hành án phạt tù. Vì vậy, trường hợp vợ hoặc chồng xin ly hôn với chồng hoặc vợ đang chấp hành án phạt tù thì không đủ cơ sở giải quyết cho ly hôn. Điều này đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người đề nghị giải quyết cho ly hôn.

- Tại Điều 88, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng"

+ Con được sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ thời điểm chấm dứt hôn nhân được coi là con do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân.

+ Con sinh ra trước ngày đăng ký kết hôn và được cha mẹ thừa nhận là con chung của vợ chồng

+ Trong trường hợp cha, mẹ không thừa nhận con thì phải có chứng cứ và phải được Tòa án xác định

Tuy nhiên, thời gian qua, yêu cầu xác định cha cho con trong trường hợp này thường bị Tòa án từ chối giải quyết hoặc có Tòa án thụ lý, có Tòa án không

thụ lý với lý do không có tranh chấp, khiến người dân phải đi lại nhiều lần giữa cơ quan đăng ký hộ tịch và cơ quan Tòa án.

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Khó khăn, vướng mắc trong thi hành Luật Hôn nhân và gia đình

- Về điều kiện kết hôn

Việc quy định tuổi kết hôn chênh lệch của nam (đủ 20 tuổi) và nữ (đủ 18 tuổi) cũng đặt ra vấn đề về bảo đảm bình đẳng giới, về sự đồng bộ với năng lực hành vi dân sự của người thành niên trong Bộ luật Dân sự.

- Về việc chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn

Đối với các trường hợp chung sống với nhau như vợ chồng trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, theo hướng dẫn của Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/06/2000 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình thì những trường hợp này khi có tranh chấp giải quyết cho ly hôn như các trường hợp có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, trong các giao dịch dân sự như trong giao dịch mua bán, chuyển nhượng, thế chấp, thừa kế trong lĩnh vực đất đai lại yêu cầu người dân phải xuất trình giấy chứng nhận kết hôn. Vấn đề này trên thực tiễn còn nhiều bất cập cần có sự hướng dẫn thống nhất của các văn bản pháp luật để thực thi một cách hiệu quả trong thực tiễn.

IV. NHỮNG VẤN ĐỀ MỚI PHÁT SINH TRONG THỰC TIỄN

1. Quan hệ hôn nhân đồng giới và chuyển giới

- Luật hiện nay không thừa nhận hôn nhân đồng giới nhưng cũng không cấm. Thực tế, nhiều cặp đôi đồng tính sống chung như vợ chồng, phát sinh quan hệ về tài sản, nuôi con nuôi, quyền thừa kế.. nhưng chưa có cơ sở pháp lý để giải quyết.

- Vấn đề chuyển đổi giới tính cũng đặt ra nhiều vướng mắc: Xác định lại giới tính trong hôn nhân, quyền kết hôn sau khi chuyển giới.

2. Quan hệ sống chung không đăng ký kết hôn

Ngày càng phổ biến hiện tượng nam, nữ sống chung mà không đăng ký kết hôn (do tâm lý, phong tục, hoặc tránh thủ tục pháp lý). Khi phát sinh tranh chấp (tài sản, con chung), cơ quan tư pháp gặp khó khăn vì pháp luật chưa điều chỉnh đầy đủ, dễ dẫn tới thiệt thòi cho phụ nữ và trẻ em.

V. KIẾN NGHỊ GIẢI PHÁP ĐỂ KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THI HÀNH, HOÀN THIỆN LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

- Quy định cụ thể hơn về quan hệ sống chung không đăng ký kết hôn; bảo đảm quyền lợi hợp pháp của phụ nữ và trẻ em trong các trường hợp này.

- Đơn giản hóa thủ tục đăng ký kết hôn, khai sinh, nuôi con nuôi; mở rộng hình thức nộp hồ sơ trực tuyến, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Rút ngắn thời gian giải quyết ly hôn, đặc biệt là ly hôn có yếu tố nước ngoài, thông qua tăng cường ủy thác tư pháp, hợp tác quốc tế.

- Bổ sung hành vi ngoại tình vào Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình là căn cứ ly hôn để phù hợp với thực tiễn;

- Cụ thể hóa quy định về hành vi bạo lực gia đình làm căn cứ cho ly hôn;

- Cần quy định bổ sung quy định về ly thân và xem ly thân là một trong những căn cứ để cho ly hôn;

- Cần bổ sung quy định căn cứ ly hôn khi chồng hoặc vợ phạm tội và đang chấp hành án phạt tù;

Trên đây là báo cáo về tổng kết 10 năm thi hành Luật Hôn nhân và gia đình của UBND phường Kim Trà./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- CT, các PCT UBND phường;
- Chánh VP HĐND&UBND phường;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Văn Xuân